

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/2018/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2018

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
CÔNG VĂN ĐẾN
Giờ Ngày Kính chuyển:

THÔNG TƯ

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: Ngày:

Quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định chi tiết khoản 5 Điều 10 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số 73/2017/NĐ-CP).

2. Thông tư này không điều chỉnh với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc danh mục bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan đến công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (sau đây gọi chung là Bộ, ngành) và Ủy ban nhân các cấp.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Danh sách thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là liệt kê các đối tượng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường để thực hiện công tác thu thập, lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng.

2. Thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là nội dung mô tả các thuộc tính của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là phần rút gọn của thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, được công bố để phục vụ việc tra cứu, tìm kiếm, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

4. Đơn vị thực hiện nhiệm vụ về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là đơn vị được cấp có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ hoặc được giao nhiệm vụ thu thập, quản lý, lưu trữ, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo lĩnh vực hoặc theo địa bàn.

5. Đơn vị đầu mối về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) là cơ quan được giao quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 4. Yêu cầu thu thập, quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thu thập đầy đủ, toàn diện và đánh giá chính xác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Quản lý, lưu trữ, bảo quản và xây dựng cơ sở dữ liệu bảo đảm sử dụng lâu dài, an toàn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Công bố, cung cấp, khai thác, sử dụng thuận tiện, kịp thời cho mọi đối tượng theo quy định của pháp luật.

Chương II

THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 5. Lập kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Nguyên tắc lập kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

a) Bảo đảm phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

b) Bảo đảm dữ liệu được thu thập chính xác, đầy đủ, có hệ thống;

c) Lồng ghép với các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và không trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ;

d) Bảo đảm thực hiện hiệu quả, khả thi, tiết kiệm kinh phí, nguồn lực;

đ) Thời gian lập, phê duyệt phải bảo đảm việc giao dự toán kinh phí và triển khai thực hiện theo quy định.

2. Căn cứ lập kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

a) Yêu cầu của công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

b) Theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật;

c) Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

d) Các chương trình, đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Danh sách thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này là căn cứ thực hiện công tác thu thập, quản lý, công bố, cung cấp và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Mục đích, yêu cầu thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

b) Khối lượng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cần thu thập;

c) Nội dung công việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

d) Sản phẩm thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

đ) Kế hoạch, nguồn nhân lực thực hiện;

e) Tổ chức thực hiện;

g) Dự toán kinh phí.

4. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm đã phê duyệt về Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, theo dõi, quản lý.

Điều 6. Hình thức thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Hình thức thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường gồm:

a) Giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

b) Thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

c) Tiếp nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được các tổ chức, cá nhân cung cấp, hiến tặng cho nhà nước phục vụ lợi ích chung của đất nước.

2. Giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thu nhận, tạo lập hoặc tạo ra trong quá trình hoạt động mà theo quy định của pháp luật phải giao nộp các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

b) Quy trình tiếp nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được giao nộp quy định tại Điều 7 Thông tư này;

c) Giấy xác nhận giao nộp sản phẩm thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là tài liệu bắt buộc trong hồ sơ phê duyệt quyết toán dự án theo quy định.

3. Thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

a) Thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại các cơ quan, tổ chức đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý;

b) Nội dung thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường quy định chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Quy trình thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

Điều 7. Quy trình tiếp nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Quy trình tiếp nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được giao nộp quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này được thực hiện theo các bước sau:

1. Chuẩn bị tiếp nhận thông tin, dữ liệu được giao nộp

a) Xác định phương án, thời gian, địa điểm tiếp nhận;

b) Chuẩn bị kho, trang thiết bị bảo quản, lưu trữ;

c) Xác định kinh phí thực hiện theo quy định.

2. Tiếp nhận, kiểm tra thông tin, dữ liệu giao nộp

a) Tiếp nhận thông tin, dữ liệu giao nộp;

b) Kiểm tra tính pháp lý, quy cách, khối lượng, chất lượng thông tin, dữ liệu.

3. Xác nhận thông tin, dữ liệu được giao nộp

a) Cơ quan tiếp nhận lập giấy xác nhận giao nộp thông tin, dữ liệu trong trường hợp thông tin, dữ liệu đạt yêu cầu về khối lượng, chất lượng theo quy định;

b) Cơ quan tiếp nhận đề nghị bên giao nộp thông tin, dữ liệu có trách nhiệm hoàn chỉnh, bổ sung và giao nộp lại trong trường hợp nội dung thông tin, dữ liệu chưa bảo đảm khối lượng, chất lượng theo quy định.

4. Lập thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu

a) Lập thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này;

b) Xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này.

5. Hoàn thiện tiếp nhận thông tin, dữ liệu và đưa vào khai thác, sử dụng

- a) Đưa thông tin, dữ liệu đã tiếp nhận vào lưu trữ, bảo quản và sử dụng;
- b) Sử dụng thông tin mô tả và danh mục phục vụ nghiệp vụ quản lý, lưu trữ, công bố, tra cứu, cung cấp và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;
- c) Lập báo cáo, thống kê theo quy định.

Điều 8. Quy trình thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Quy trình thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này bao gồm các bước sau:

1. Chuẩn bị thu thập, cập nhật thông tin mô tả
 - a) Khảo sát về hiện trạng thông tin, dữ liệu;
 - b) Xác định phương án, thời gian, địa điểm thực hiện;
 - c) Trang thiết bị, phương tiện thực hiện;
 - d) Xác định kinh phí thực hiện theo quy định;
 - đ) Thông báo cho đơn vị, cá nhân liên quan để thực hiện.
2. Thực hiện thu thập, cập nhật thông tin mô tả
 - a) Xây dựng biểu mẫu nội dung thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;
 - b) Tiến hành thu thập hoặc cập nhật theo biểu mẫu đã xây dựng; xử lý các vấn đề phát sinh, điều chỉnh bổ sung biểu mẫu (nếu cần);
 - c) Kiểm tra, xác nhận thông tin mô tả;
 - d) Nhập, đối soát thông tin mô tả thành dạng số;
 - đ) Xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.
3. Giao nộp, sử dụng thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu
 - a) Giao nộp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu (dạng số và trên giấy);
 - b) Cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu lên Trang/Cổng thông tin điện tử phục vụ nghiệp vụ quản lý, lưu trữ, công bố, tra cứu, cung cấp và sử dụng;
 - c) Lập báo cáo, thống kê theo quy định.

Điều 9. Quy trình xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Chuẩn bị xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu
 - a) Chuẩn bị thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu;
 - b) Xác định phương án thực hiện;

c) Xác định kinh phí thực hiện theo quy định.

2. Thực hiện xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu

a) Trích chọn các thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu để xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu theo quy định chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Điều tra, thu thập bổ sung các thông tin danh mục (nếu còn thiếu).

3. Giao nộp, sử dụng danh mục thông tin, dữ liệu

a) Giao nộp danh mục thông tin, dữ liệu (dạng số và trên giấy);

b) Cập nhật danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường lên Trang/Cổng thông tin điện tử phục vụ nghiệp vụ quản lý, lưu trữ, công bố, tra cứu, cung cấp và sử dụng;

c) Báo cáo, thống kê theo quy định.

Điều 10. Xây dựng, cung cấp danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo đơn vị đầu mối về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường:

1. Xây dựng, cập nhật, tổng hợp danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý;

2. Cung cấp danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

Điều 11. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ tra cứu, tìm kiếm, cung cấp sử dụng

1. Danh mục thông tin, dữ liệu phải được công bố đầy đủ theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP. Thời gian công bố trước 31 tháng 12 hàng năm và được cập nhật thường xuyên theo tình hình thực tế.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phạm vi quốc gia trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý trên Trang/Cổng thông tin điện tử của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Các đơn vị thực hiện nhiệm vụ về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên Trang/Cổng thông tin điện tử, trên hệ thống thông tin chuyên ngành và ấn phẩm của đơn vị.

Điều 12. Thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của các tổ chức, cá nhân

1. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin mô tả và danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Thông tư này cho các đơn vị đầu mối về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và cung cấp, chia sẻ sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho xã hội. Tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin quy định tại khoản này được cơ quan tiếp nhận xác nhận việc giao nộp, hiến tặng thông tin, dữ liệu.

2. Hàng năm, đơn vị đầu mối về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động đề xuất thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và tạo điều kiện thuận lợi để thu thập thông tin mô tả và danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của các tổ chức, cá nhân.

Điều 13. Hệ thống thông tin quản lý, cung cấp, khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Các đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ nghiệp vụ chuyên môn quản lý, lưu trữ, tra cứu, cung cấp và yêu cầu cập nhật thường xuyên của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Hệ thống thông tin quản lý, cung cấp, khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường gồm các nội dung thông tin sau:

a) Thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

b) Các thông tin nghiệp vụ chuyên môn phục vụ lưu trữ, bảo quản, khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

c) Các thông tin khác liên quan.

3. Các yêu cầu, chức năng cơ bản của hệ thống gồm:

a) Quản lý lưu trữ;

b) Các nghiệp vụ quản lý, bảo quản, cung cấp và sử dụng;

c) Công bố, tra cứu, tìm kiếm;

d) Thông kê, báo cáo;

đ) Kết nối, tích hợp, liên thông với các hệ thống thông tin liên quan;

e) Bảo đảm hiệu năng và an toàn, an ninh thông tin hệ thống.

Chương III

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN THU THẬP, CÔNG BỐ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Thực hiện các quy định tại Điều 27 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP và chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện:

a) Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ nghiệp vụ quản lý, lưu trữ, tra cứu, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

b) Xây dựng, tổng hợp danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, công bố trên Trang/Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và của Sở Tài nguyên và Môi trường. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, gửi danh mục (cập nhật theo năm) thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường về Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp chung;

c) Báo cáo về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư này.

2. Chỉ đạo các Sở, ban, ngành có thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

b) Báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường gửi Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư này.

Điều 15. Trách nhiệm của các Bộ, ngành có thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thực hiện theo các quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 26 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

2. Chỉ đạo đơn vị đầu mối về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường:

a) Thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo nhiệm vụ, kế hoạch hàng năm đã phê duyệt;

b) Xây dựng, tổng hợp danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường Bộ, ngành và công bố trên Trang/Cổng thông tin điện tử của Bộ, ngành. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, gửi danh mục (cập nhật theo năm) thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường về Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp chung;

c) Báo cáo về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của Bộ, ngành quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư này.

3. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc có liên quan đến thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường:

a) Phối hợp với đơn vị đầu mối về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của Bộ, ngành thực hiện giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo kế hoạch đã phê duyệt;

b) Báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư này.

Điều 16. Các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường có liên quan đến thu thập, công bố, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm:

a) Thu thập, thu nhận thông tin, dữ liệu chuyên ngành tài nguyên và môi trường theo chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch được giao; xây dựng, tích hợp, xử lý, quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu chuyên ngành tài nguyên và môi trường phục vụ khai thác, cung cấp và sử dụng theo phân công;

b) Xây dựng và công bố danh mục thông tin, dữ liệu chuyên ngành tài nguyên và môi trường trên Trang/Cổng thông tin điện tử của đơn vị mình và cung cấp cho Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường để tổng hợp;

c) Báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư này.

2. Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường có trách nhiệm:

a) Thu thập, thu nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tổng hợp theo chức năng và nhiệm vụ được giao; xây dựng, tích hợp, kết nối, liên thông, quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ khai thác, cung cấp và sử dụng theo phân công;

b) Tiếp nhận, tổng hợp danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường từ các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;

c) Xây dựng hệ thống thông tin danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phạm vi quốc gia và tổ chức công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

d) Báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Thông tư này.

Điều 17. Công tác báo cáo

1. Trước ngày 30 tháng 11 hàng năm, đơn vị thực hiện nhiệm vụ về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường gửi báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường về đơn vị đầu mối về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.
2. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, đơn vị đầu mối về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường báo cáo các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý để gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường).
3. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo nhiệm vụ được giao về Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
4. Trước ngày 30 tháng 12 hàng năm, Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường tổng hợp báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phạm vi quốc gia.
5. Mẫu báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường quy định chi tiết tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2019.
2. Bãi bỏ Thông tư số 07/2009/TT-BTMT ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.
2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Các Thứ trưởng Bộ TN&MT;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Cổng TTĐT Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, Vụ PC, CNTT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quý Kiên

PHỤ LỤC I

DANH SÁCH THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực đất đai

- a) Kết quả đo đạc, lập bản đồ địa chính;
- b) Đăng ký đất đai, hồ sơ địa chính, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất;
- c) Thống kê, kiểm kê đất đai;
- d) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- đ) Giá đất và bản đồ giá đất;
- e) Các thông tin, dữ liệu khác liên quan đến điều tra cơ bản về đất đai.

2. Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực tài nguyên nước

- a) Số lượng, chất lượng nước mặt, nước dưới đất;
- b) Số liệu điều tra khảo sát địa chất thủy văn;
- c) Các dữ liệu về khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước;
- d) Quy hoạch các lưu vực sông, quản lý, khai thác, bảo vệ các nguồn nước;
- đ) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, điều chỉnh giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; trám lấp giếng không sử dụng;
- e) Các dữ liệu về các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên nước;
- g) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình quan trắc tài nguyên nước;
- h) Các dữ liệu về danh mục các lưu vực sông.

3. Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực môi trường

- a) Báo cáo Hiện trạng môi trường các cấp;
- b) Danh sách các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên; danh mục các loài hoang dã, loài bị đe dọa tuyệt chủng, loài bị tuyệt chủng trong tự nhiên, loài đặc hữu, loài di cư, loài ngoại lai, loài ngoại lai xâm hại, loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài trong Sách đỏ Việt Nam;
- c) Quy hoạch môi trường; báo cáo quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái (trên cạn, dưới nước) và an toàn sinh học;

d) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường; đề án bảo vệ môi trường; kế hoạch bảo vệ môi trường; báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ hàng năm;

đ) Báo cáo về nguồn thải, lượng chất thải, nguồn gây ô nhiễm, chất thải thông thường, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; kết quả cải tạo, phục hồi môi trường trong các hoạt động khai thác khoáng sản; hiện trạng môi trường tại các mỏ khai thác khoáng sản; hiện trạng môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu; dự án xử lý và phục hồi môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu;

e) Báo cáo về tình hình nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, nộp phí bảo vệ môi trường; kết quả giải quyết bồi thường thiệt hại, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết;

g) Báo cáo về khu vực bị ô nhiễm, nhạy cảm, suy thoái, sự cố môi trường; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; bản đồ ô nhiễm môi trường và các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường;

h) Danh mục về các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; danh mục và tình hình bảo vệ môi trường làng nghề, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp;

i) Kết quả về quản lý môi trường lưu vực sông, ven biển và biển; ô nhiễm môi trường xuyên biên giới;

k) Kết quả về xử lý chất thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải, nước thải, tiếng ồn, độ rung và các công nghệ môi trường khác;

l) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về môi trường.

4. Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực địa chất và khoáng sản

a) Thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản;

b) Thông tin, dữ liệu khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia, khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ; khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; khu vực có khoáng sản độc hại;

c) Kết quả thống kê; kiểm kê trữ lượng tài nguyên khoáng sản;

d) Hồ sơ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

đ) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép tiếp tục thực hiện quyền hoạt động khoáng sản.

e) Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản;

g) Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản;

h) Bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản;

i) Thông tin, dữ liệu tai biến địa chất;

k) Thông tin, dữ liệu địa chất công trình, địa chất đô thị.

l) Mẫu vật địa chất, khoáng sản.

5. Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực biển và hải đảo

a) Dữ liệu về đầm phá ven biển, địa hình đáy biển;

b) Dữ liệu về khí tượng, thủy văn biển;

c) Dữ liệu về địa chất biển, địa vật lý biển, khoáng sản biển; dầu, khí ở biển; dữ liệu về tính chất vật lý, hóa lý của nước biển và đầm phá ven biển;

d) Dữ liệu về hệ sinh thái biển, đầm phá ven biển; đa dạng sinh học và nguồn lợi thủy sản biển, đầm phá; tài nguyên vị thế biển và kỳ quan sinh thái biển;

đ) Dữ liệu về môi trường biển, đảo, đầm phá ven biển; nhận chìm ở biển;

e) Dữ liệu về đảo;

g) Dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển, đầm phá ven biển; quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ;

h) Dữ liệu về khai thác, sử dụng tài nguyên biển, đảo và đầm phá ven biển;

i) Kết quả thống kê tài nguyên biển, đảo và đầm phá ven biển;

k) Dữ liệu khác liên quan đến tài nguyên và môi trường biển, đảo và đầm phá ven biển;

l) Thông tin tài liệu về loại hình, cấu trúc, địa hình đường bờ, hành lang bảo vệ bờ biển.

6. Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực khí tượng thủy văn

a) Dữ liệu về quan trắc, điều tra, khảo sát khí tượng, thủy văn, hải văn

- Thông tin, dữ liệu về khí tượng;

- Thông tin, dữ liệu về thủy văn;

- Thông tin, dữ liệu về hải văn;

- Thông tin, dữ liệu về ô dôn - bức xạ cực tím;

- Thông tin, dữ liệu về môi trường không khí phục vụ khí tượng thủy văn.

- Thông tin, dữ liệu về môi trường nước phục vụ khí tượng thủy văn.

b) Dữ liệu về dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn

- Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

- Sản phẩm của các mô hình dự báo;

- Biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh;

- Thông báo tình hình khí tượng thủy văn;

- Thông tin, dữ liệu thu được từ tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài;

- Thông tin, dữ liệu về thiên tai khí tượng thủy văn.

c) Dữ liệu về khí hậu

- Bộ chuẩn khí hậu quốc gia;

- Kết quả đánh giá khí hậu quốc gia.

d) Dữ liệu về hồ sơ kỹ thuật trạm và giấy phép dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn

- Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình, phương tiện đo khí tượng thủy văn;

- Hồ sơ cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

- Hồ sơ kỹ thuật của các trạm giám sát biến đổi khí hậu.

đ) Dữ liệu khác về khí tượng thủy văn

- Phim, ảnh về đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn;

- Kế hoạch và kết quả thực hiện tác động vào thời tiết.

7. Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực biến đổi khí hậu

a) Thông tin, dữ liệu về phát thải khí nhà kính và các hoạt động kinh tế - xã hội có liên quan đến phát thải khí nhà kính.

b) Thông tin, dữ liệu về tác động của thiên tai khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu đến hoạt động tự nhiên, kinh tế - xã hội.

c) Thông tin, dữ liệu quan trắc về ô-dôn, bảo vệ tầng ô-dôn và quản lý các chất làm suy giảm tầng ô-dôn.

d) Kịch bản biến đổi khí hậu các thời kỳ.

đ) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm giám sát biến đổi khí hậu.

8. Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý

a) Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ

- Thông tin, dữ liệu, sản phẩm của hoạt động đo đạc và bản đồ cơ bản;

- Thông tin, dữ liệu, sản phẩm của hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành;

b) Thông tin, dữ liệu, sản phẩm của hoạt động đo đạc và bản đồ cơ bản

- Thông tin, dữ liệu về hệ thống các điểm gốc đo đạc quốc gia, các mạng lưới đo đạc quốc gia;

- Hệ thống dữ liệu ảnh hàng không và hệ thống dữ liệu ảnh viễn thám;

- Dữ liệu nền địa lý quốc gia; dữ liệu, sản phẩm bản đồ địa hình quốc gia;

- Dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ về biên giới quốc gia;

- Dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính;
- Dữ liệu, danh mục địa danh.
- c) Thông tin, dữ liệu, sản phẩm của hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành
 - Thông tin, dữ liệu, sản phẩm về mạng lưới đo đạc cơ sở chuyên ngành;
 - Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ quốc phòng;
 - Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc, thành lập bản đồ địa chính;
 - Thông tin, dữ liệu, sản phẩm, thành lập bản đồ hành chính;
 - Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc, thành lập hải đồ;
 - Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc, thành lập bản đồ hàng không dân dụng;
 - Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc, thành lập bản đồ công trình ngầm;
 - Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ phục vụ phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục sự cố môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;
 - Thông tin, dữ liệu, sản phẩm tập bản đồ; thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành khác.

9. Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực viễn thám

- a) Thông tin về hệ thống thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám.
- b) Dữ liệu ảnh viễn thám.
- c) Siêu dữ liệu viễn thám.
- d) Thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám.
- đ) Thông tin, dữ liệu quan trắc, giám sát bằng công nghệ viễn thám.
- e) Thông tin, dữ liệu, sản phẩm khác theo quy định của dự án, đề án; thiết kế kỹ thuật - dự toán về viễn thám được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

10. Kết quả thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, giải quyết bồi thường thiệt hại về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

11. Văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường.

12. Hồ sơ, kết quả của các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường.

13. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khác do quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC II
NỘI DUNG THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ THÔNG TIN, DỮ LIỆU
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Tên trường	Mô tả	Ghi chú
I	Các thông tin cơ bản (là các trường thông tin bắt buộc phải nhập)		
1.	Định danh	Một dãy kí tự hoặc số nhằm thể hiện tính đơn nhất của thông tin, dữ liệu.	
2.	Đơn vị tạo lập dữ liệu		
-	Tên cơ quan/tổ chức	Tên cá nhân/tổ chức tạo lập thông tin, dữ liệu	
-	Địa chỉ	Địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức tạo lập thông tin, dữ liệu	
-	Người đại diện	Người đại diện tổ chức tạo lập thông tin, dữ liệu	
-	Chức vụ	Chức vụ người đại diện	
-	Số điện thoại	Số điện thoại cơ quan, tổ chức tạo lập thông tin, dữ liệu	
-	Email	Địa chỉ thư điện tử của cơ quan, tổ chức tạo lập thông tin, dữ liệu	
3.	Đơn vị cung cấp	Tên cá nhân/tổ chức chịu trách nhiệm thu thập, quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	
-	Tên cơ quan/tổ chức	Tên cá nhân/tổ chức thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu	
-	Địa chỉ	Địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu	
-	Người đại diện	Người đại diện tổ chức thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu	
-	Chức vụ	Chức vụ người đại diện	
-	Số điện thoại	Số điện thoại cơ quan, tổ chức thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu	
-	Email	Địa chỉ thư điện tử của cơ quan, tổ chức thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu	
4.	Loại dữ liệu	Mô tả chi tiết cho từng loại dữ liệu (đất đai, môi trường, bản đồ, đa phương tiện, văn bản, báo cáo, cơ sở dữ liệu,...)	
5.	Nhan đề	Nhan đề của bộ thông tin, dữ liệu	

TT	Tên trường	Mô tả	Ghi chú
6.	Tóm tắt	Mô tả tóm tắt nội dung của thông tin, dữ liệu	
7.	Nguồn dữ liệu	Nguồn gốc mà dữ liệu được tạo thành	
8.	Ngày phát hành	Ngày phát hành thông tin, dữ liệu	
9.	Đơn vị cung cấp	Tên cá nhân/tổ chức chịu trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu	
10.	Bản quyền	Các thông tin liên quan đến bản quyền của thông tin, dữ liệu	
11.	Chủ đề	Mô tả nội dung tóm lược về chủ đề của thông tin, dữ liệu	
12.	Đơn vị liên quan	Tên đơn vị phối hợp tạo lập thông tin, dữ liệu	
13.	Dữ liệu liên quan	Thông tin, tài liệu tham khảo	
14.	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ của nội dung thông tin, dữ liệu	
15.	Định dạng dữ liệu	Định dạng vật lý và kích thước của thông tin, dữ liệu như dung lượng, thời lượng,	
16.	Phạm vi dữ liệu	Thông tin liên quan đến quy mô, phạm vi hoặc mức độ bao quát của dữ liệu. Phạm vi có thể là địa điểm, không gian hoặc thời gian..	
17.	Khả năng cung cấp, sử dụng	Hình thức khai thác: tra cứu, trích, sao y, sao chép...	
18.	Thủ tục cung cấp, sử dụng	Điều kiện, thủ tục cung cấp, sử dụng	
II	Các thông tin mở rộng (không bắt buộc phải nhập đầy đủ mà tùy từng loại thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cụ thể có thể bổ sung thêm)		
1.	Tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn áp dụng tài liệu (nếu có)	
2.	Phiên bản	Phiên bản của tài liệu	
3.	Đơn vị tính	Đơn vị tính của tài liệu	
4.	Số lượng	Số lượng của tài liệu	
5.	Từ khóa	Từ khóa, tra cứu khai thác tài liệu	
6.	Ghi chú	Các ghi chú bổ sung thông tin liên quan	
7.	Ngày giao nộp	Ngày giao nộp tài liệu	
8.	Thời hạn bảo quản	Thời hạn bảo quản tài liệu	
9.	Thời hạn hiệu lực	Thời hạn hiệu lực của văn bản	
10.	Tỷ lệ	Mẫu số tỉ lệ bản đồ, bình đồ ảnh tương ứng	
11.	Hệ tọa độ	Hệ thống tọa độ sử dụng xây dựng thông tin, dữ liệu không gian	
12.	Múi chiếu	Kích thước múi chiếu để xây dựng thông tin, dữ liệu không gian (bản đồ)	

TT	Tên trường	Mô tả	Ghi chú
13.	Kinh tuyến trục	Kinh tuyến trục sử dụng xây dựng thông tin, dữ liệu không gian	
14.	Phiên hiệu mảnh	Theo quy ước chia và đánh số mảnh của bản đồ	
15.	Tên mảnh	Tên mảnh bản đồ	
16.	Tọa độ góc khung	Tọa độ góc khung của bản đồ, ảnh viễn thám, khu vực địa lý	
17.	Tên vệ tinh	Tên viết tắt của vệ tinh (đối với dữ liệu ảnh viễn thám)	
18.	Tên cảnh ảnh	Theo quy ước riêng cho mỗi loại ảnh viễn thám	
19.	Tọa độ tâm ảnh	Ghi tọa độ (vĩ độ, kinh độ) của tâm ảnh (đối với dữ liệu ảnh viễn thám)	
20.	Độ phân giải	Độ phân giải đối với dữ liệu ảnh vệ tinh, bản đồ quét, đa phương tiện...	

PHỤ LỤC III
NỘI DUNG DANH MỤC THÔNG TIN THÔNG TIN, DỮ LIỆU
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Tên trường	Mô tả	Ghi chú
1.	Đơn vị cung cấp	Tên cá nhân/tổ chức chịu trách nhiệm thu thập, quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	
-	Tên cơ quan/tổ chức	Tên cá nhân/tổ chức thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu	
-	Địa chỉ	Địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu	
-	Số điện thoại	Số điện thoại cơ quan, tổ chức thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu	
-	Email	Địa chỉ thư điện tử của cơ quan, tổ chức thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu	
2.	Loại dữ liệu	Mô tả chi tiết cho từng loại thông tin, dữ liệu (đất đai, môi trường, bản đồ, đa phương tiện, văn bản, báo cáo, cơ sở dữ liệu,...)	
3.	Tóm tắt	Mô tả tóm tắt nội dung của thông tin, dữ liệu	
4.	Nguồn dữ liệu	Nguồn gốc của thông tin, dữ liệu	
5.	Ngày phát hành	Ngày phát hành thông tin, dữ liệu	
6.	Bản quyền	Các thông tin liên quan đến bản quyền của thông tin, dữ liệu	
7.	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ của nội dung thông tin, dữ liệu	
8.	Định dạng dữ liệu	Định dạng vật lý và kích thước của thông tin, dữ liệu như dung lượng, thời lượng...	
9.	Phạm vi dữ liệu	Thông tin liên quan đến quy mô, phạm vi hoặc mức độ bao quát của thông tin, dữ liệu có thể là địa điểm, không gian hoặc thời gian...	
10.	Khả năng cung cấp, sử dụng	Hình thức khai thác: tra cứu, trích, sao y, sao chép...	
11.	Thủ tục cung cấp, sử dụng	Điều kiện, thủ tục cung cấp, sử dụng	

PHỤ LỤC IV**MẪU BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC THU THẬP, CUNG CẤP
THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI
NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

Số: /BC-...

BÁO CÁO**TÌNH HÌNH THU THẬP, CUNG CẤP THÔNG TIN, DỮ LIỆU
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Năm

Kính gửi: <Cơ quan nhận báo cáo>

1. Thông tin chung của đơn vị báo cáo

Tên cơ quan/đơn vị:.....

Người đại diện:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

2. Thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**a) Giao nộp thông tin, dữ liệu**

TT	Thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Khối lượng	Tổ chức/cá nhân giao nộp	Ghi chú
1.					
2.					
3.					
4.					
5.					

b) Thu thập, cập nhật thông tin mô tả

TT	Thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Khối lượng	Tổ chức/cá nhân cung cấp	Ghi chú
1.					
2.					
3.					
4.					
5.					

3. Cung cấp sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

TT	Thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Khối lượng	Tổ chức/cá nhân được cung cấp	Thời gian thực hiện	Kinh phí (nếu có)	Ghi chú
1.							
2.							
3.							
4.							
5.							

Trên đây là tình hình thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường năm thuộc phạm vi quản lý của <Cơ quan báo cáo> gửi <Cơ quan nhận báo cáo> để tổng hợp./.

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN/ĐƠN VỊ

(Ký tên/đóng dấu)